



# Công ty cổ phần du lịch và thực phẩm sao việt

số 2 ngõ 71 đường Thạch Bàn, Quận Long Biên, TP Hà Nội

thucphamsaoviet@gmail.com

Tiểu học thạch Bàn B

## THỰC ĐƠN HỌC SINH

| TUẦN 3 |           |                       |                     |                           |                       |                       |
|--------|-----------|-----------------------|---------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
|        | Bữa ăn    | 16/12/2024            | 17/12/2024          | 18/12/2024                | 19/12/2024            | 20/12/2024            |
| 1      | Món cơm   | Cơm trắng             | Cơm trắng           | Cơm trắng                 | Cơm trắng             | Cơm tẻ                |
| 2      | Món chính | Thịt lợn tẩm rán      | Gà sốt chua ngọt    | Cá rô phi file chiên giòn | Thịt xay rang mắm     | Gà chiên giòn         |
| 3      | Món phụ   | Xúc xích chiên        | Đậu rán sốt cà chua | Giò lợn rim               | Trứng sốt cà chua     | Chả lợn               |
| 4      | Món rau   | Cải ngọt xào          | Khoai tây xào       | Su hào xào                | Bắp cải xào           | Giá xào hành          |
| 5      | Món canh  | Canh su hào nấu xương | Canh thịt nấu chua  | Canh bí đỏ nấu thịt       | Canh rau cải nấu thịt | Canh mồng tơi nấu cua |
| 6      | Bữa phụ   | Sữa Kun dâu           | Bánh Staff ruốc     | Sữa Kun nho               | Bánh nhân socola      | Sữa Kun cam           |



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Mai Thị Vân Anh



# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P. Thạch Bàn, Q Long Biên, Hà Nội. --- MST: 0101827452

TEL: 0913.315.004 - 0466.828.728 - Email: thucphamsaoviet@gmail.com

## SUẤT ĂN HỌC SINH BÀN TRÚ TIỂU HỌC THẠCH BÀN B NĂM HỌC 2024-2025

Suất ăn 32.000đ trên một học sinh đã bao gồm VAT

| Tuần | 3 | Thứ 2 | 16/12/2024 | 20/12/2024 |
|------|---|-------|------------|------------|
|------|---|-------|------------|------------|

Ghi chú : Định lượng chín chỉ có tính chất tham khảo. Rau và canh có thể thay đổi

| Thứ     | Tên món                   | Thực phẩm          | DL Sóng | Đơn Giá | Thành Tiền | DL Sóng | Kilo      | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
|---------|---------------------------|--------------------|---------|---------|------------|---------|-----------|--------------|---------|--------|-------|-----------|
| Thứ Hai | Cơm trắng                 | Cơm trắng          | 0,11    | 21.000  | 2.310      | 0,22    | 220       | Khí đốt      | 800     | 29.282 | 3.200 | 32.482    |
|         | Thịt lợn tẩm rán          | Thịt lợn           | 0,05    | 135.000 | 6.750      | 0,035   | 135       | CNV          | 2.700   |        |       |           |
|         |                           | Bột chiên giòn     | 0,01    | 55.000  | 550        | 0,008   | 34        | KH           | 400     |        |       |           |
|         |                           | Trứng gà           | 0,1     | 3.600   | 360        | 0,08    | 9         | Bảo hiểm     | 50      |        |       |           |
|         | Xúc xích chiên            | Xúc xích           | 0,02    | 135.000 | 2.700      | 0,016   | 4,5       | Lãi          | 1.287   |        |       |           |
|         |                           |                    |         |         | -          | 0       | 0         | Nước tẩy/rửa | 200     |        |       |           |
|         | Cải ngọt xào              | Cải ngọt           | 0,06    | 25.000  | 1.500      | 0,048   | 33,6      | xe giao hàng | 200     |        |       |           |
|         |                           | Tỏi bóc            | 0,001   | 50.000  | 50         | 0,0008  | 0,413     |              |         |        |       |           |
|         | Canh su hào nấu xương     | Xương lợn          | 0,005   | 70.000  | 350        | 0,004   | 13,5      |              |         |        |       |           |
|         |                           | Su hào             | 0,03    | 25.000  | 750        | 0,024   | 6,6       |              |         |        |       |           |
|         |                           | Hành lá            | 0,001   | 50.000  | 50         | 0,0008  | 0,79      |              |         |        |       |           |
|         | Sữa Kun dẫu               | Sữa Kun dẫu        | 1       | 5.000   | 5.000      | 0,11    | 121       |              |         |        |       |           |
|         | Gia vị nấu                | Dầu ăn             | 0,035   | 65.000  | 2.275      | 0,035   | 315       |              |         |        |       |           |
|         |                           | Gia vị             |         |         | 1.000      |         |           |              |         |        |       |           |
|         | Tổng thứ Hai              |                    |         |         | 23.645     | 0,5816  | 893,403   |              | 5.637   |        |       |           |
| Thứ     | Tên món                   | Thực phẩm          | DL Sóng | Đơn Giá | Thành Tiền | DL Sóng | Kilo      | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
| Thứ Ba  | Cơm trắng                 | Cơm trắng          | 0,11    | 21.000  | 2.310      | 0,22    | 220       | Khí đốt      | 800     | 27.627 | 3.200 | 30.827    |
|         | Gà sốt chua ngọt          | Thịt gà            | 0,09    | 85.000  | 7.650      | 0,063   | 214,2     | CNV          | 2.700   |        |       |           |
|         |                           | Đường              | 0,001   | 40.000  | 40         | 0,0009  | 3,83      | KH           | 400     |        |       |           |
|         |                           | Dấm                | 0,001   | 50.000  | 50         | 0,0009  | 0,83      | Bảo hiểm     | 50      |        |       |           |
|         |                           | Nước sốt chua ngọt | 0,01    | 50.000  | 500        | 0,009   | 90        | Lãi          | 1.287   |        |       |           |
|         | Đậu rán sốt cà chua       | Đậu phụ            | 0,06    | 30.000  | 1.800      | 0,054   | 162       | Nước tẩy/rửa | 200     |        |       |           |
|         |                           | Cà chua            | 0,005   | 30.000  | 150        | 0,0045  |           | xe giao hàng | 200     |        |       |           |
|         | Khoai tây xào             | Khoai tây          | 0,06    | 25.000  | 1.500      | 0,054   | 55,8      |              |         |        |       |           |
|         | Canh thịt nấu chua        | Thịt lợn           | 0,002   | 135.000 | 270        | 0,0018  | 5,4       |              |         |        |       |           |
|         |                           | Cà chua            | 0,007   | 30.000  | 210        | 0,0063  | 1,26      |              |         |        |       |           |
|         |                           | Me chua            | 0,003   | 70.000  | 210        | 0,0027  | 1,08      |              |         |        |       |           |
|         | Bánh Staff ruốc           | Bánh Staff ruốc    | 1       | 5.000   | 5.000      | 0,08    | 88        |              |         |        |       |           |
|         | Gia vị nấu                | Dầu ăn             | 0,02    | 65.000  | 1.300      | 0,02    | 180       |              |         |        |       |           |
|         |                           | Gia vị             |         |         | 1.000      |         |           |              |         |        |       |           |
|         | Tổng thứ Ba               |                    |         |         | 21.990     | 0,5171  | 1.022,400 |              | 5.637   |        |       |           |
| Thứ     | Tên món                   | Thực phẩm          | DL Sóng | Đơn Giá | Thành Tiền | DL Sóng | Kilo      | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
|         | Cơm trắng                 | Gạo tẻ thơm        | 0,11    | 21.000  | 2.310      | 0,22    | 220       | Khí đốt      | 800     |        |       |           |
|         | Cá rô phi file chiên giòn | Cá rôphi file      | 0,055   | 115.000 | 6.325      | 0,044   | 77        | CNV          | 2.700   |        |       |           |
|         |                           | Bột chiên giòn     | 0,01    | 55.000  | 550        | 0,008   | 34        | KH           | 400     |        |       |           |
|         | Giò lợn rim               | Giò lợn            | 0,02    | 135.000 | 2.700      | 0,016   | 50,2      | Bảo hiểm     | 50      |        |       |           |

|         |                       |                  |        |         |            |        |           |              |         |        |       |           |
|---------|-----------------------|------------------|--------|---------|------------|--------|-----------|--------------|---------|--------|-------|-----------|
| Thứ Tư  | Su hào xào            | Su hào           | 0,055  | 25.000  | 1.375      | 0,044  | 10,45     | Lãi          | 1.287   | 28.762 | 3.200 | 31.962    |
|         |                       | Cà rốt           | 0,005  | 25.000  | 125        | 0,004  | 2,065     | Nước tẩy/rửa | 200     |        |       |           |
|         | Canh bí đỏ nấu thịt   | Bí đỏ            | 0,03   | 25.000  | 750        | 0,024  | 7,5       | xe giao hàng | 200     |        |       |           |
|         |                       | Thịt xay         | 0,002  | 135.000 | 270        | 0,0016 | 5,4       |              |         |        |       |           |
|         |                       | Hành lá          | 0,001  | 50.000  | 50         | 0,0008 | 0,36      |              |         |        |       |           |
|         |                       | Rau mùi          | 0,0005 | 50.000  | 25         | 0,0004 | 0,11      |              |         |        |       |           |
|         | Sữa Kun nhỏ           | Sữa Kun nhỏ      | 1      | 5.500   | 5.500      | 0,11   | 121       |              |         |        |       |           |
|         | Gia vị nấu            | Dầu ăn           | 0,033  | 65.000  | 2.145      | 0,033  | 297       |              |         |        |       |           |
|         |                       | Gia vị           |        |         | 1.000      |        | 100       |              |         |        |       |           |
|         | Tổng thứ Tư           |                  |        |         | 23.125     |        | 925,085   |              | 5.637   |        |       |           |
| Thứ     | Tên món               | Thực phẩm        | ĐL Số  | Đơn Giá | Thành Tiền | ĐL Số  | Kilo      | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
| Thứ Năm | Cơm trắng             | Cơm trắng        | 0,11   | 21.000  | 2.310      | 0,22   | 220       | Khí đốt      | 800     | 28.447 | 3.200 | 31.647    |
|         | Thịt xay rang mỡ      | Thịt lợn         | 0,065  | 135.000 | 8.775      | 0,052  | 175,5     | CNV          | 2.700   |        |       |           |
|         |                       | hành lá          | 0,001  | 30.000  | 30         | 0,0009 | 0,36      | KH           | 400     |        |       |           |
|         | Trứng sốt cà chua     | Trứng gà         | 0,5    | 3.600   | 1.800      | 0,45   | 1350      | Bảo hiểm     | 50      |        |       |           |
|         |                       | Cà chua          | 0,005  | 30.000  | 150        |        |           | Lãi          | 1.287   |        |       |           |
|         | Bắp cải xào           | Rau cải ngọt     | 0,06   | 25.000  | 1.500      | 0,054  | 10        | Nước tẩy/rửa | 200     |        |       |           |
|         | Canh rau cải nấu thịt | Thịt xay         | 0,002  | 135.000 | 270        | 0,0018 | 5,4       | xe giao hàng | 200     |        |       |           |
|         |                       | Cải canh         | 0,025  | 25.000  | 625        | 0,0225 | 3,75      |              |         |        |       |           |
|         |                       | Gừng củ          | 0,001  | 50.000  | 50         | 0,0009 | 0,36      |              |         |        |       |           |
|         | Bánh nhân socola      | Bánh nhân socola | 1      | 5.000   | 5.000      | 0,08   | 88        |              |         |        |       |           |
|         | Gia vị nấu            | Dầu ăn           | 0,02   | 65.000  | 1.300      | 0,02   | 180       |              |         |        |       |           |
|         |                       | Gia vị           |        |         | 1.000      |        |           |              |         |        |       |           |
|         | Tổng thứ Năm          |                  |        |         | 22.810     | 0,9021 | 2.033,570 |              | 5.637   |        |       |           |
| Thứ     | Tên món               | Thực phẩm        | ĐL Số  | Đơn Giá | Thành Tiền | ĐL Số  | Kilo      | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
| Thứ Sáu | Cơm tẻ                | Gạo tẻ thơm      | 0,11   | 21.000  | 2.310      | 0,22   | 220       | Khí đốt      | 800     | 29.897 | 3.200 | 33.097    |
|         | Gà chiên giòn         | Thịt gà          | 0,09   | 85.000  | 7.650      | 0,072  | 270       | CNV          | 2.700   |        |       |           |
|         |                       | Bột chiên giòn   | 0,01   | 55.000  | 550        | 0,008  | 34        | KH           | 400     |        |       |           |
|         |                       | Bột quych        | 0,002  | 100.000 | 200        | 0,0016 | 6         | Bảo hiểm     | 50      |        |       |           |
|         | Chả lợn               | Chả lợn          | 0,02   | 135.000 | 2.700      | 0,016  | 45        | Lãi          | 1.287   |        |       |           |
|         | Giá xào hành          | Giá đỗ           | 0,06   | 30.000  | 1.800      | 0,048  | 162       | Nước tẩy/rửa | 200     |        |       |           |
|         |                       | Hành lá          | 0,001  | 50.000  | 50         | 0,0008 | 0,36      | xe giao hàng | 200     |        |       |           |
|         | Canh mồng tơi nấu cua | Cua xay          | 0,002  | 150.000 | 300        | 0,0016 | 0,88      |              |         |        |       |           |
|         |                       | Rau mùng tơi     | 0,025  | 30.000  | 750        | 0,02   | 9,5       |              |         |        |       |           |
|         | Sữa Kun cam           | Sữa Kun cam      | 1      | 5.000   | 5.000      | 0,11   | 121       |              |         |        |       |           |
|         | Gia vị nấu            | Dầu ăn           | 0,03   | 65.000  | 1.950      | 0,03   |           |              |         |        |       |           |
|         |                       | Gia vị           |        |         | 1.000      |        | 100       |              |         |        |       |           |
|         | Tổng thứ Sáu          |                  |        |         | 24.260     |        | 968,74    |              | 5.637   |        |       |           |



HIỆU TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Thu Hương



GIAM ĐỐC  
Mai Thị Vân Anh

32.000 160.000,00 160.015,00 15,00



# Công ty cổ phần du lịch và thực phẩm sao việt

số 2 ngõ 71 đường Thạch Bàn, Quận Long Biên, TP Hà Nội

thucphamsaoviet@gmail.com

Tiểu học thạch Bàn B

THỰC ĐƠN GIÁO VIÊN THÁNG 11/2024

## TUẦN 3

|   | Bữa ăn    | Thứ 2          | Thứ 3         | Thứ 4         | Thứ 5         | Thứ 6             |
|---|-----------|----------------|---------------|---------------|---------------|-------------------|
| 1 | Món chính | Gà chiên giòn  | Cá rán sốt cà | Thịt rang dưa | Tôm rang thịt | Thịt gà xào sả ớt |
| 2 | Món phụ   | Trứng đúc thịt | Đậu rán       | Lạc rang      | Giò lợn rim   | Trứng luộc        |
| 3 | Món rau   | Khoai tây xào  | Su hào xào    | Cải ngọt xào  | Bắp cải luộc  | Rau muống xào     |
|   |           |                |               |               |               |                   |



HIỆU TRƯỞNG

*Nguyễn Thị Thu Hương*

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIAM ĐỐC

*Mai Thị Vân Anh*